

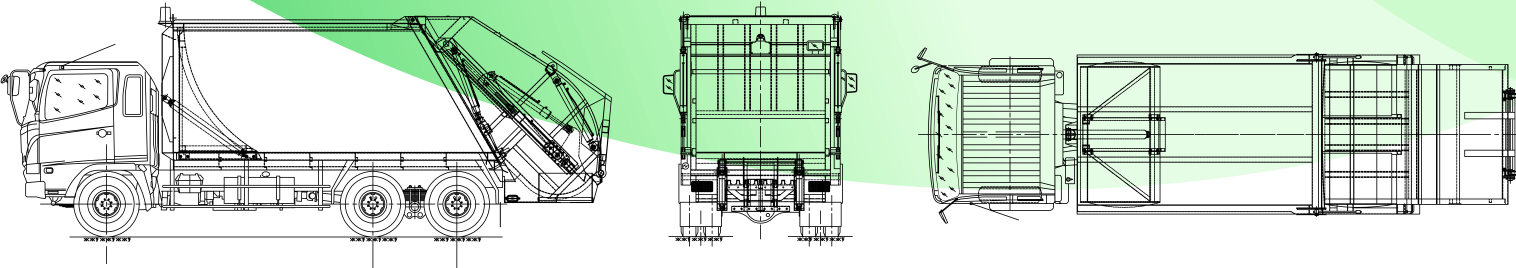
XE ÉP RÁC *Garbage Truck*

THÔNG SỐ KỸ THUẬT <i>Chassis Specifications</i>			ERCMI 024/ERMMI 024	ERCMI 030/ERMMI 030	ERCIS 034/ERMIS 034	ERCHI 045/ERMHI 045	ERCHI 065/ERMHI 063	ERCHI 118/ERMHI 115
Xe cơ sở <i>Chassis</i>			MITSUBISHI CANTER 6.5	MITSUBISHI CANTER 7.5	ISUZU NQR75L	HINO FC9JESW	HINO FG8JSB	HINO FM8JNSA
Động cơ <i>Engine</i>	Kiểu <i>Model</i>		4D34-2AT5	4D34-2AT 4	4HK1-E2N	J05E-TE	J08E-UG	J08E-UF
	Công suất lớn nhất <i>Max. output</i>	<i>kW/rpm</i> <i>kW/rpm</i>	81 / 2900	100 / 2900	110 / 2600	118 / 2500	167 / 2500	184 / 2500
	Dung tích xy-lanh <i>Displacement</i>	<i>cc</i>	3908	3908	5193	5123	7684	7684
Kích thước <i>Dimension</i>	Chiều dài <i>Overall length</i>	<i>mm</i>	6550 / 6300	7050 / 6800	7600 / 7400	6900 / 6700	8050 / 7850	9350 / 9200
	Chiều rộng <i>Overall width</i>	<i>mm</i>	2000	2040	2200	2280	2500	2500
	Chiều cao <i>Overall height</i>	<i>mm</i>	2350	2400	2600	2900	3180	3450
Chiều dài cơ sở <i>Wheelbase between two axles</i>		<i>mm</i>	3350	3850	4175	3420	4280	4130 + 1300
Chiều rộng cơ sở <i>Front and rear track (B₀₁ - B₀₂)</i>		<i>mm</i>	1665 - 1495	1665 - 1560	1680 - 1650	1770 - 1660	1920 - 1820	1922 - 1855
Trọng lượng <i>Mass</i>	Tự trọng <i>Vehicle</i>	<i>kg</i>	3905	4305	5255	5705	8405 / 8605	12005 / 12305
	Tải trọng <i>Payload</i>	<i>kg</i>	2400	3000	3400	4500	6500 / 6300	11800 / 11500
	Tổng trọng tải <i>Gross vehicle mass (GVW)</i>	<i>kg</i>	6500	7500	8850	10400	15100	24000
Vận tốc lớn nhất <i>Max. speed</i>		<i>km/h</i>	100	100	112	102	106	93
Vỏ xe <i>Tires</i>	Trước <i>Front</i> - Sau <i>Rear</i>		7.00 - 16 / 12PR	7.50 - 16 / 14PR	8.25 - 16 / 14PR	8.25 - 16 / 14PR	10.00 - 20 / 16PR	10.00 - 20 / 16PR
Thùng chứa rác <i>Garbage body</i>	Biên dạng thùng <i>Body profile</i>		Vách cong / thẳng, nóc cong <i>Curve / straight wall, curve top</i>					
	Thể tích <i>Volume</i>	<i>m³</i>	5,3	6,0	8,5	9	15	20
Lực ép rác <i>Compacting force</i>		<i>kgf</i>	9000	9000	13000	15000	19000	27000
Vật liệu chế tạo <i>Body material</i>			Thép hợp kim SPA-H, Nhật Bản <i>SPA-H steel, Japan</i>					
Thiết bị thủy lực <i>Hydraulic equipment</i>			Nhập khẩu từ Châu Âu <i>Imported from Europe</i>					
Ga tay hoạt động hệ thống chuyên dùng <i>Operating accelerator</i>			Ga điện liên hoàn <i>Uninterrupted electric accelerator</i>			Ga điện khí nén liên hoàn <i>Uninterrupted electro-pneumatic accelerator</i>		
Điều khiển nạp rác <i>Garbage loading control</i>			Cơ khí tự động <i>Automatic mechanism</i> Cơ cấu cấp thùng <i>For standard garbage loading structure:</i> Cấp thùng rác <i>Clip bin</i> ① Lật thùng rác vào <i>Turn up bin into the trough</i> ② Lật thùng rác ra <i>Turn bin down</i> ③ Nhả thùng rác <i>Release bin</i> ④ Cơ cấu máng ủi và nạp rác <i>For bulldozing garbage structure:</i> ① Nâng máng nạp rác vào thùng <i>Turn up bulldoze into the trough</i> ② Lật máng về vị trí nhận rác <i>Turn back the bulldoze to initial position</i>					
Điều khiển ép rác <i>Garbage compacting control</i>			Cơ khí tự động hai chế độ <i>Automatic mechanism in two modes:</i> ① Chạy tự động liên tục <i>Continous automatic operation</i> ② Chạy tùy ý người điều khiển <i>Manual operation</i>					
Điều khiển xả rác <i>Garbage ejecting control</i>			Điều khiển bằng tay gạt <i>Manual control</i> Mở khóa và nâng thùng ép <i>Opening locks & lifting tailgate</i> ⇨ Đẩy xả rác ra ngoài <i>Ejecting garbage</i> ⇨ Rút bàn đẩy về <i>Moving the ejecting plate back</i> ⇨ Hạ và khóa thùng ép <i>Lowering and locking the tailgate</i>					

✳ Theo đúng chính sách của chúng tôi, không ngừng cải tiến sản phẩm, mọi đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không phải báo trước.
In accordance with our policy of constant product improvement, all specifications are subject to change without notice or obligation.

✳ Các số liệu được in nghiêng trong bảng trên đại diện cho thông số của các loại xe sử dụng máng tương ứng. Các sản phẩm có ký hiệu ERC đại diện cho xe rác sử dụng hệ thống cấp thùng; ERM đại diện cho xe rác sử dụng máng nạp rác liên thùng ép.
Italic number in above mentioned table is for bulldozing garbage truck. The product code started with ERC stands for standard garbage truck; ERM stands for bulldozing garbage truck.

✳ Hệ thống Nắp đẩy thùng ép rác dành cho các xe rác trang bị cơ cấu cấp thùng rác tiêu chuẩn, cấp thùng rác tiêu chuẩn kết hợp với máng nạp rác có thể tháo rời, cấp thùng rác loại hai tay đã được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp theo Luật Sở hữu Trí tuệ Việt Nam. Mọi sao chép dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của SAMCO đều được xem là vi phạm pháp luật.
The Garbage Tailgate Cover for standard garbage truck, bulldozing garbage truck, two-arms loading garbage truck is protected for industrial design under Vietnamese Law of Intellectual Property. All copy without SAMCO's authorizing is unlaw.



XE ÉP RÁC

GARBAGE TRUCK

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MTV
SAIGON TRANSPORTATION MECHANICAL CORPORATION
Xí nghiệp Cơ khí Ôtô Chuyên dùng An Lạc (SP.SAMCO)
36 Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, Tp.HCM - Tel. (84-8) 37.527.005 / (84-8) 37.527.945 - Fax. (84-8) 37.527.006
Website: www.xechuyendung.net.vn



Hệ thống Nắp đẩy Thùng ép rác[®] vận hành hiệu quả bằng thủy lực giúp hạn chế việc khuếch tán mùi hôi và tạo nét mỹ quan đô thị khi xe di chuyển trên đường.

The Garbage Tailgate Cover[®] operated by hydraulic efficiently, help to limit the diffusion of odor and create urban landscape features when moving on the road.

CÁC CƠ CẤU NẠP RÁC *Type of Loading Mechanism*



Cặp thùng rác tiêu chuẩn 240L/660L
Standard 240L/660L garbage bin



Máng ủi và nạp rác
Bulldozing garbage



Cặp thùng rác loại hai tay
Two-arms garbage loading structure



Cặp thùng rác tiêu chuẩn kết hợp với máng nạp rác có thể tháo rời
Standard garbage loading structure combined with removable garbage bulldoze

XE ÉP RÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI
SAMCO GIẢI PHÁP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

